

Lá thư San Jose viết về ngày Quốc Hận.

NHỮNG NGƯỜI LÍNH GIÀ KHÔNG BAO GIỜ CHẾT...

Hạ Bá Chung, K10

Ngàn vạn người lính già trên thế giới, bất kể màu da, bất kể sắc tộc, bất kể địa phương nào, mỗi khi nghe lời nói vang vọng lên, “*Những người lính già không bao giờ chết*”, thì tự đáy lòng họ dâng lên nỗi niềm vừa ưu tư vừa ngọt ngào của một thời tay cầm vũ khí, khoác áo chiến y, xông pha trong vòng lửa đạn để bảo vệ tổ quốc thân yêu.

Ý nghĩa câu, “*Những người lính già không bao giờ chết*” thật trong sáng, ai cũng hiểu là, có người lính già nào mà không chết đâu! Tuy vậy, họ vẫn sống mãi trong lòng dân tộc vì họ đã hy sinh đời mình để bảo vệ hạnh phúc của người dân.

“*Old soldiers never die. They just fade away.*” Vế câu đầu đã mang lại cho người lính niềm tự hào. Vế vế thứ hai, “*They just fade away,*” muốn nhắn nhủ gì với hậu thế của Đại Tướng Douglas Mac Arthur? Hầu hết các sách báo thường dịch là, “*Những người lính già không bao giờ chết. Họ chỉ mờ nhạt dần đi,*” hay, “*Những người lính già không bao giờ chết. Họ chợt biến mất.*”⁽¹⁾ Có đúng vậy sao? Chẳng nhẽ lời nói của Đại Tướng Mac Arthur, Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh trong chiến tranh Triều Tiên, đã làm rơi lệ của các dân biểu, thượng nghị sĩ lưỡng viện Hoa Kỳ mà lại có phần ngơ ngẩn như vậy sao?

Chi bằng mời bạn đọc cùng tôi gỡ lại vài trang tài liệu để trả câu ngạn ngữ này vào trong bối cảnh lịch sử...

“*Old soldiers never die...*” là một ngạn ngữ tiếng Anh ở trong bài hát được truyền tụng trong dân gian:

*Old soldiers never die,
Never die, never die.
Old soldiers never die.
They simply fade away.*

Ngạn ngữ này được nổi tiếng khắp thế giới, vì Đại Tướng Douglas Mac Arthur đã đề cập tới trong bài diễn văn điều trần trước lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, trước khi giã từ quân ngũ, vào sáng ngày 19 tháng 4 năm 1951.

Vào ngày 11 tháng 4 năm 1951, Tổng Thống Harry Truman cách chức Đại Tướng Mac Arthur và tước vị Tư Lệnh Binh Đoàn Hoa Kỳ trong chiến tranh Triều Tiên, chỉ vì Tướng Mac Arthur đã công khai chỉ trích Tổng Thống Truman từ chối yêu cầu của ông ta về việc sử dụng bom nguyên tử, tiêu diệt quân Cộng Sản Tàu để trả đũa chúng đã gửi quân sang Triều Tiên chống lại quân đội Hoa Kỳ.

Tướng Mac Arthur triệt để tin tưởng rằng, nhằm ngăn chặn quân đội Cộng Sản tràn xuống vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ phải ném bom nguyên tử tiêu diệt quân đội Trung Cộng. Tướng Mac Arthur còn viết một lá thư chỉ trích quyết định của Tổng Thống Truman nhằm né tránh chiến tranh trực tiếp với Trung Cộng. Lá thư này được gửi tới đảng Cộng Hòa đang nắm đa số tại Quốc Hội, mà Chủ Tịch Hạ Viện của đảng Cộng Hòa, ông Joseph William Martin Jr., lớn tiếng đọc lá thư này trước Đại Hội Đồng Quốc Hội vào ngày 5 tháng 4 năm 1951. Sáu ngày sau, Tổng Thống Truman, đảng Dân Chủ, cách chức Đại Tướng Mac Arthur, đảng Cộng Hòa.

Quốc Hội dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Hòa mời Đại Tướng Mac Arthur đọc diễn văn trước Hội Đồng Lưỡng Viện vào ngày 19 tháng 4 năm 1951.

Sau đây là tóm lược bài diễn văn...

Rất nhiều quốc gia trên thế giới, đang nghe qua đài phát thanh là, Đại Tướng Douglas Mac Arthur đã điều trần trước lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ vào trưa ngày thứ Năm 19-4-1951. Hội Đồng Lưỡng Viện Quốc Hội vô cùng sững sờ khi thấy Đại Tướng Mac Arthur vừa bị cách chức Tư Lệnh tại mặt trận Triều Tiên, vài ngày trước đây do sắc lệnh của Tổng Thống Truman. Khi Tướng Mac Arthur dứt lời, hội trường đông nghẹt người, đều roi lệ và đứng lên vỗ tay liên miên không dứt.

Nhiều nhà lập pháp tiên đoán, Tướng Mac Arthur sẽ là ứng cử viên Tổng Thống đầy triển vọng của đảng Cộng Hòa vào kỳ bầu cử Tổng Thống vào năm 1952 sắp tới.



Đại Tướng Douglas Mac Arthur

Khủng hoảng chính trị kéo dài nhiều tháng, khi đó tướng Mac Arthur còn có tự do lựa chọn kế hoạch hành quân, tiến đánh liên quân Bắc Triều Tiên – Trung Cộng trong suốt 10 tháng ở khắp nơi trên lãnh thổ Triều Tiên. Quân Bắc Triều Tiên đã xâm nhập miền Nam vào ngày 20-6-1950, tiến đánh như vũ bão, đẩy lùi quân Nam Triều Tiên khắp mặt trận. Do Hoa Kỳ kiến nghị, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhanh chóng chấp thuận tung quân ra ngăn chặn sự xâm lược.

Tướng Mac Arthur, Tư Lệnh tối cao của Lực Lượng Đồng Minh đang trú đóng tại Tokyo, được ủy nhiệm quyền chỉ huy. Tuy vậy, Liên Minh Hoa Kỳ - Nam Triều Tiên vẫn bị đẩy lui gần như bật ra khỏi lãnh thổ Triều Tiên vào tháng 8, chỉ còn

bám giữ ở một chu vi nhỏ hẹp ở phía Đông Nam hải cảng Pusan. Tình thế rất là ảm đạm.

Thứ Tư ngày 13 tháng 9, tướng Mac Arthur chuyển bại thành thắng, bằng cuộc đổ bộ đầy mạo hiểm và dũng cảm về phía Tây cảng Inchon, rất gần thủ đô Seoul, chớp nhoáng cắt đứt đường tiếp vận của quân Bắc Triều Tiên, chuyển tới mặt trận ở phương Nam.

Ngay sau đó, lực lượng liên minh Liên Hiệp Quốc, mũi nhọn là quân đội Hoa Kỳ, đẩy lui liên minh Bắc Triều Tiên – Trung Cộng tới sát bờ sông Yalu gần biên giới Triều Tiên và Trung Cộng.

Đại Tướng Mac Arthur và Tổng Thống Truman đáp phi cơ đến đảo Wake trên Thái Bình Dương để hội ngộ và đặt kế hoạch tiếp theo cho cuộc chiến.

Tuy nhiên vào tháng 11, mặt trận lại biến động dữ dội vì lực lượng “chí nguyện quân” Trung Cộng tấn công khắp mặt trận trên tuyến đóng quân của liên minh Liên Hiệp Quốc trong một mùa Đông vô cùng băng giá. Quân miền Bắc đẩy lui quân miền Nam ở khắp mặt trận. Trong năm 1951, mặt trận dưới mô hình cài răng lược, hai bên dàn quân đối đầu dọc theo vĩ tuyến 38. Tình thế rơi vào bế tắc, vì chẳng có lực lượng bên nào có khả năng tiêu diệt bên kia.

Để giải quyết bế tắc trong trận chiến này, Tướng Mac Arthur đã thất bại trong việc yêu cầu Bộ Tổng Tham Mưu chấp thuận một trong hai kiến nghị.

- Một là điều động quân Trung Hoa Đài Loan do Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, Quốc Dân Đảng lãnh đạo, vừa tháo chạy ra khỏi lục địa 2 năm trước đây, được tham chiến ở mặt trận Triều Tiên.

- Hai là sử dụng lực lượng ưu thế của không quân thả bom tàn phá các căn cứ tiếp vận của Cộng quân trên lãnh thổ Trung Cộng, nhằm cắt đứt nguồn tiếp tế của Cộng quân ngoài mặt trận.

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Thống Truman, Bộ Tổng Tham Mưu bác bỏ kiến nghị trên, chỉ chủ trương giới hạn cuộc chiến này ở mức độ quân bằng, bên ta tăng thêm quân thì bên địch cũng tăng thêm quân, mức tổn thất sẽ cao hơn, và lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên.

Tình hình như vậy làm Tướng Mac Arthur nôn nóng, bèn quay sang cầu cứu các nhà lập pháp Hoa Kỳ, đi theo con đường dân sự để giải quyết vấn đề quân sự, qua sự hỗ trợ của đảng Cộng Hòa để gây áp lực với Tổng Thống Truman nhằm mở rộng thành phần quân đội đồng minh tham chiến ở Triều Tiên. Và chuyện thường lệ xảy ra ở Hoa Thịnh Đốn, xưa nay là vậy, vài lá thư của Tướng Mac Arthur trao đổi với lãnh đạo của đảng Cộng Hòa, bị lọt vào tay của giới truyền thông Hoa Kỳ.

Tổng Thống Truman kết tội Tướng Mac Arthur bất tuân hệ thống quân giai vì đã đi tìm đường hướng chính trị để thực hiện giải pháp quân sự. Bộ Tổng Tham Mưu cuối cùng đồng ý bỏ phiếu là, Đại Tướng Mac Arthur phải bị cách chức và thay thế. Tổng Thống Truman chấp thuận và Tướng Mac Arthur giã từ quân đội trở về quê nhà và hơn 10 năm sau, không một ai trông thấy ông ta ở đâu cả.

Trở lại tháng 4 năm 1951, Tướng Mac Arthur được mời đến đọc diễn văn trước Hội Đồng Lưỡng Viện Hoa Kỳ.

Đây là bài diễn văn quan trọng nhất của Tướng Mac Arthur, tóm lược cuộc đời binh nghiệp của mình và những lý lẽ chính yếu trong cuộc tranh luận với Tổng Thống Truman về cuộc chiến tranh đẫm máu ở Triều Tiên. Ông ta biểu lộ vô cùng cảm ơn các vị dân biểu, thượng nghị sĩ, đã lắng nghe ông ta và tuyên dương công trạng xuất sắc của ông ta như một vị anh hùng kiệt xuất trong thời chiến và người dân Hoa Kỳ cũng đồng lòng như vậy. Cuối bài diễn văn, lời trần tình của ông ta nói lên sự chấm dứt cuộc đời binh nghiệp và giã từ quân đội.

Ngày nay, nhiều người dân chắc chắn ủng hộ quyết định

của Tổng Thống Truman đã không sử dụng bom nguyên tử tiêu diệt liên minh quân Cộng Sản nhằm tránh Thế Chiến lần thứ III và nhìn nhận sự cách chức Tướng Mac Arthur thuộc về quyền hạn của một vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội.

Nhưng năm 1951, Tổng Thống Truman cách chức Tướng Mac Arthur có nhiều khả năng gây ra tranh luận là, Tổng Thống Truman đã làm như vậy vì nhằm đập đổ một thần tượng của đảng Cộng Hòa, một ứng cử viên Tổng Thống đầy triển vọng vào năm 1952 sắp tới.

Để giải thích rõ ngạn ngữ, “*Old soldiers never die. They just fade away*”, có lẽ chúng ta phải luận cứ vào đoạn cuối bài diễn văn, được đọc trước Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ của Đại Tướng Mac Arthur. ⁽²⁾

*“Khi tôi gia nhập quân đội Hoa Kỳ, khoảng đầu thế kỷ XX, đó là những hy vọng và mơ ước thời niên thiếu của tôi, đã trở thành hiện thực. Thế giới đã thay đổi trầm trọng kể từ khi tôi tuyên thệ tại Vũ Đình Trường của Học Viện Quân Sự West Point, và những hy vọng và mơ ước ngày xưa đã tan biến. Nhưng tôi vẫn nhớ được điệp khúc của một bài hát trong dân gian, được phổ cập trong doanh trại lính ngày đó. Điệp khúc nói lên niềm kiêu hãnh tuyệt vời là, “**Những người lính thời chiến tranh (old soldiers) không bao giờ chết,**” nhưng thời gian lặng lẽ trôi qua, người đời sẽ lãng quên họ. Và cũng như người lính già trong bài ca dân gian này, giờ đây tôi già từ cuộc đời binh nghiệp và rồi thời gian cũng trôi qua, người đời sẽ quên tôi, quên đi một người lính trong thời chiến, đã cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình, vì Đức Chúa Trời đã giao phó cho hấn, dưới ánh sáng của Chúa để nhìn thấy rõ nhiệm vụ của mình. Chào Tạm Biệt.”*

* * *

Trời đã về khuya. Không gian vùng chân núi Niles, Fremont Bắc Cali thật êm ả, tĩnh mịch.

Bài viết xong, người lính già Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt buông

cây viết xuống, thông thả pha một bình trà, vừa nhâm nhi trà nóng, vừa đọc lại bài viết, chợt thấy cảm thông được lời nói của Tướng Mac Arthur, “*Old soldiers never die. They just fade away,*” còn có ẩn dụ một ý nghĩa là, “***Chỉ cần người đời còn nhớ đến những người lính thời chiến tranh, họ sẽ không bao giờ chết.***”

Nhưng thử hỏi trong mấy chúng ta, có ai còn nhớ tới họ không? Đây là ẩn ý sau nỗi niềm đầy cay đắng của một vị Tướng 5 sao Mac Arthur đã làm các nhà lập pháp Lưỡng Viện Hoa Kỳ, nước mất tuôn dòng, thương tiếc một vị anh hùng tài trí tuyệt vời, lấy cuộc đời binh nghiệp làm lẽ sống, mà buộc phải giã từ vũ khí vào lúc tuổi mới xế chiều.

Chuyện xưa, vào ngày 30-4-1975, hơn một triệu quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tự động tan hàng, vì sự phản bội của quân bạn đồng minh, mặc dầu các nhà quân sự tài ba, đều đánh giá là, kinh nghiệm chiến đấu trên chiến trường, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được xếp hạng thứ 3 trên thế giới. Mất nước, họ sống lưu vong ở nhiều quốc gia, đại đa số tại Hoa Kỳ.



*Trung Tá Hạ Bá Chung,
năm 1973.*

Tôi tốt nghiệp Khóa 10 trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cùng với Tướng Lê Minh Đảo. Mỗi khi Tướng Đảo tới San Jose, đều dành chút thời giờ ăn nhậu, mầy mầy tao tao, với các bạn cùng khóa. Một hôm, trong lúc tữu nhập ngôn xuất, tôi nghe được tâm sự của Tướng Đảo là, *mong muốn thành*

lập được một hội trí thức trẻ, ưu tú, có danh vọng và tiền bạc trong xã hội Mỹ, trong các hậu duệ của các cựu quân nhân VNCH đang sống tại hải ngoại, để hướng dẫn và hỗ trợ họ đi vào sinh hoạt trong dòng chính trị của xã hội Hoa Kỳ, trên con đường dân cử vào Quốc Hội Hoa Kỳ, dù tiểu bang hay liên bang nhằm nói lên tiếng nói của người Việt tị nạn Cộng Sản.

Sau đó, khoảng cuối năm 2004, trong một lần gặp mặt tại tư gia của Trung Tá Nguyễn Văn Xuân, bạn cùng khóa ở San Jose, Tướng Đảo lúc đó quay sang nói với tôi:

- “Nè Chung! Tao nhắm vào thằng con Thạc Sĩ Kiến Trúc của mày làm lá bài tẩy (lá bài giấu kín) của tao, để sau này hướng dẫn nó vào Quốc Hội Hoa Kỳ. Tao được biết nó trong ngày Đại Hội Tổng Hội năm 1998 tại San Jose. Khi đó nó đại diện Tổng Đoàn Thanh Niên Đa Hiệu đọc tiểu luận trước đại hội. Vậy là thằng này có tinh thần sinh hoạt đoàn thể. Nó thông minh hoạt bát, phẩm chất thanh tao, nói năng lễ độ là đúng các tiêu chuẩn lá bài tẩy của tao.”

Tôi bèn thông thả trả lời:

- “Mày còn quên một điều, muốn sinh hoạt thành công ở viện dân biểu thì lá bài tẩy của mày, điều kiện cần và đủ, là phải tốt nghiệp trường Luật. Tuy nhiên, theo tao biết, cỡ Tiến sĩ Luật thì chưa có, chứ cỡ Thạc sĩ, cử nhân Luật trong đám hậu duệ Võ Bị Đà Lạt chẳng phải là thứ người khó kiếm. Có điều chúng nó có chịu làm lá bài tẩy của mày hay không, lại là chuyện khác.”

Tướng Đảo cười khà khà nói:

- “Wait and see. Tao có nguyên tắc của tao. Muốn câu được con cá to, mày phải kiên nhẫn. Thế thôi.”

Cảm hứng tôi viết bài này, cũng là do mấy ngày gần đây, vào đầu tháng 3 năm 2019, các đài truyền hình Mỹ loan tin náo động lên vì lời tuyên ngôn chống Do Thái của một phụ nữ mới ngoài 30 tuổi Ilhan Omar gốc dân Hồi Giáo, vừa đắc cử vào Hạ Viện Liên Bang Hoa Kỳ. Lời phát ngôn giọng điệu

chống Do Thái đàn áp sắc tộc Á Rập, làm Lương Viện Hoa Kỳ nổi sóng to, gió lớn. Đó đúng là đường hướng tranh đấu của các sắc tộc thiểu số, sinh sống trên đất Mỹ. Và đó cũng là tâm tư của Tướng Đảo.

Giờ đây, thử hỏi có bao nhiêu người Nhật ở thành phố San Jose, mà dân biểu liên bang Honda đắc cử mấy nhiệm kỳ liền? Thử hỏi có bao nhiêu người Trung Hoa Đài Loan ở thành phố San Jose mà dân biểu tiểu bang Chu đắc cử mấy nhiệm kỳ liền? Chẳng phải là, họ có cả một cộng đồng nắm chặt tay nhau, đứng ở sau lưng họ sao?

Đăm đăm nhìn vào tách trà tỏa hương thơm ngát, người lính già Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, thâm nghĩ, “Có bao giờ những người lính già trong chiến tranh Việt Nam, đang cư trú đông đảo ở các thành phố lớn như San Jose, Westminster, Houston, Washington - DC sẵn sàng ngồi lại với nhau để đồng tâm lựa chọn và hỗ trợ về nhân lực, tài lực, và trí lực cho một hậu duệ của các cựu quân nhân Quân Lực VNCH đắc cử vào Quốc Hội Hoa Kỳ? Chúng ta có thể làm được hay không, khi có một số người nghĩ rằng việc việc ngồi lại với nhau là rất khó khăn?”

Thử hỏi, có khó bằng Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù tử thủ trên ngọn đồi Charlie cao nguyên Trung phần, đã chịu đựng liên tục những trận mưa pháo kích của các giàn đại bác 130 ly của Việt Cộng? Thử hỏi, có khó bằng việc tiến chiếm lại cố thành Quảng Trị, mà gần hai ngàn dũng sĩ Thủy Quân Lục Chiến bỏ mạng trên đường tiến quân?

Giờ đây chúng ta sống lưu vong bẽ bàng ở xứ người, ngần ngơ nhìn vòng hào quang “*Những người lính già không bao giờ chết,*” đang chập chờn sắp tắt. Vậy thử hỏi, người đời còn thấy gì đâu, để mà nhớ tới, để mà lãng quên? Có chăng chỉ còn nghe thấy một tiếng thở dài não nuột!

Ca dao của dân tộc Việt:

**“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”**

Chú thích:

(1) Trong Đặc San Đa Hiệu số 40, tôi đã viết bài, “Nghệ Thuật Phiên Dịch” diễn giải 3 phương pháp phiên dịch là:

1. Dịch Nguyên bản
2. Dịch Thoát nghĩa
3. Dịch Phóng tác

Hai câu này được chuyển ngữ bằng phương pháp dịch Nguyên bản.

(2) Đoạn cuối bài diễn văn này được chuyển ngữ theo phương pháp dịch Thoát nghĩa. Nguyên văn là:

“When I joined the Army, even before the turn of the century, it was the fulfillment of all of my boyish hopes and dreams. The world has turned over many times since I took the oath on the plain at West Point, and the hopes and dreams have long since vanished, but I still remember the refrain of one of the most popular barrack ballads of that day which proclaimed most proudly that “old soldiers never die, they just fade away.” And like the old soldier of that ballad, I now close my military career and just fade away, an old soldier who tried to do his duty as God gave him the light to see that duty. Good-bye.”

Tài liệu tham khảo được trích dẫn từ bài luận án của Christopher Sterling lưu trữ tại Văn khố Quốc Gia vào năm 2004.

TẠP GHI

NHỮNG TÂM TÌNH GÓP NHẬT

Lê Văn Điền, K/25

“Biệt ly!..... Nhớ thương từ đây.”

Hình ảnh người phụ nữ đội chiếc nón lá cũ kỹ trong bộ đồ bà ba bạc màu, đôi mắt nhìn theo chiếc ghe nhỏ chở toán người trôi dọc con sông vùng Mỹ Tho vào một sáng tinh sương, chính là hình ảnh cuối cùng mà tôi nhìn thấy mẹ, khi tôi trên đoạn hành trình vượt biển rời bỏ Việt Nam, bỏ lại Ba Mẹ thân yêu để vượt thoát chế độ Cộng Sản VN. Tôi nhớ rất rõ hình ảnh Mẹ đi dọc bờ sông, ẩn hiện trong hàng dừa cao nghiêng nghiêng, mắt nhìn theo chiếc ghe con chạy dọc dưới bờ. Mẹ như muốn ghi lại trong ký ức của mình, hình ảnh, gương mặt, màu áo, dáng hình của các con, cháu thương yêu lần cuối cùng, vì ngay trong tâm trí người đi và kẻ ở lại, là giây phút nói lời “vĩnh biệt”. Nước mắt tôi đầm đìa trên má, vì tôi biết rằng đây là lần cuối cùng. Bóng mẹ xa xa và khuất dần sau các hàng dừa xanh biếc.

Hôm nay, ngồi ghi lại hoài niệm này, tôi đã khóc. Khóc như đứa trẻ thơ, không biết tại sao tôi lại thương yêu và nhớ mẹ đến thế! Nhớ lại ngày còn đi học, đọc những mẫu chuyện về chia ly, xem nhưng cuốn phim đình đám một thời, tôi chỉ có thể “thông cảm” khi thấy cảnh chia tay của người khác. Đơn giản vậy thôi. Nhưng đến khi chính mình phải đối diện với giây phút vĩnh biệt người thân yêu, thì quả thật là một kỷ

niệm đau buồn. Trong quãng thời gian định cư tại Úc, bương trải cuộc đời, bảo bọc con cái, lúc ấy, tôi mới hiểu thấu đáo tình mẫu tử bao la. Nhớ lúc còn nhỏ, tinh nghịch bị mẹ đánh đòn, tôi thật lì lợm dù biết là rất đau, vẫn không hề khóc. Mẹ càng đánh, tôi càng lì vì tự ái. Tôi đâu biết rằng, tôi đau một thì mẹ đau mười. Khi đã làm cha mẹ, tôi mới hiểu được tình yêu thiêng liêng này. Tuổi trẻ thật nông nổi và khờ dại.

Mấy mươi năm sau, có dịp trở về chôn cũ, thì Ba Mẹ đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh. Nghĩa địa hoang vắng, lạnh lùng như muốn nhắc nhở đời người là phù vân, sương khói!! Bất chợt lòng tôi lại nghĩ ra, một ngày nào đó, sau khi trả hết nợ nhân gian, tôi sẽ “về” nằm bên mẹ, dù chỉ là một nắm tro tàn!!

Australia với đời tỵ nạn.

Không hề phân biệt, và tôi cũng không có tư cách gì để phân biệt người khác, nhưng một thực tế rất rõ ràng là, khi làm giấy tờ ở các trại tỵ nạn, ID của những thuyền nhân vẫn là “người tỵ nạn CS”. Và cũng căn cứ vào tiêu chuẩn này mà Cao Ủy Liên Hiệp Quốc mới cứu xét hồ sơ. “Người tỵ nạn CS” đã trở thành một nhóm từ ngữ khắc trên da thịt để rồi mãi mãi được liệt kê đặc biệt, trở thành chứng nhân của lịch sử Việt Nam cận đại. Cũng đúng thôi, bỏ nước ra đi, xa lánh một loại xã hội được mệnh danh là “xã hội chủ nghĩa” là thiên đường gì đó, quanh quẩn với sự đói nghèo cho đến khi được chủ nghĩa tư bản bãi bỏ cấm vận thì mới ngóc đầu lên được!! Đó là một thực tế, một loại chân lý như một cộng một là hai.

Theo bước chân của đoàn người VN tỵ nạn, tôi cũng bắt đầu tập tành làm nghề may, một ngành nghề đã trở thành “cứu tinh” cho cộng đồng VN tại Úc. Nhà nhà đều may, người người cùng đập máy. Đập mãi thì đường cong cũng trở thành đường thẳng. Dần dà rồi người VN cũng đã “đẩy” bật được cộng đồng Hy Lạp ra khỏi lãnh vực này, một lãnh vực mà người Hy Lạp đã làm mưa làm gió trong nhiều thập niên tại Úc. Bí quyết ở đâu, đó chính là may giá rẻ hơn, may bảy ngày một tuần,

một ngày mười bốn tiếng, ăn mì gói tại bàn may. Ai làm được như vậy! Chỉ có quyết tâm của đoàn người cùng chung bước đi xây lại cuộc đời, và đôi lúc còn vang vọng theo âm thanh kêu cứu gởi tiền về của thân nhân còn ở lại VN. Đoàn người Việt tiên phong với căn cước ty nạn CS, đã bắt đầu cho con cháu vào các trường đại học, bảo lãnh gia đình đoàn tụ, mở các cửa hàng kinh doanh... Chỉ hơn 15 năm sau thì bộ mặt của Cộng Đồng VN đã khác. Các bác sĩ, nha sĩ, luật sư, kỹ sư... ào ạt ra đời, đã chứng tỏ với xã hội Úc sự thành đạt của đoàn người ty nạn VN.

Ngoài lãnh vực may vá mà người ty nạn VN đã thống lĩnh, còn một lãnh vực khác đó là ngành bưu điện. Đây là Job ăn nên làm ra mà không ít gia đình người Việt nuôi con cái ăn học thành tài, mua nhà, mua xe, bảo lãnh cha mẹ, người thân. Các Mail Centre (trung tâm bưu điện) đầy ắp người tóc đen nói tiếng Việt. Họ hiếu học, ham làm. Overtime là say: YES, không cần suy nghĩ. Người mang căn cước ty nạn đã sống và làm việc như thể tại quê hương thứ hai này. Họ được chính quyền và luật pháp tôn trọng và bảo vệ. Cái loại “xã hội chủ nghĩa” kia, đã một thời gấn cho họ cái nhãn hiệu “nô lệ”, thành phần tội phạm, đi điếm, để rồi 20 năm sau tưởng thưởng cho họ danh hiệu: “Khúc ruột ngàn dặm”. Đoàn người ty nạn Việt Nam đã lập sự nghiệp bằng chính đôi tay của mình, bằng sự thông minh, cần cù, và vị tha mà họ đã có được từ nền giáo dục nhân bản, đạo đức của chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Lửa đấu tranh, không bao giờ lụi tắt!

Cứ nhìn lại thời gian hơn 40 năm, đến ngày 30 tháng 04, là dòng người VN ty nạn CS đổ về Canberra đề lên án chế độ CSVN trước công luận quốc tế. Hành động kiên trì này không đơn thuần từ thù hận mà là từ ý thức, trách nhiệm của người Việt hải ngoại có cơ hội nói thay cho đồng bào VN tại quê nhà, vạch mặt hệ thống đàn áp của đảng CSVN mà họ luôn luôn che dấu. Ngọn lửa đấu tranh của người Việt ty nạn sẽ không

bao giờ lụn tắt, mà ngược lại ngày càng bùng cháy rực rỡ. Các vị Chủ Tịch và Ban Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại New South Wales qua các nhiệm kỳ, đã làm việc và hy sinh thời gian vô cùng to lớn, chỉ mong duy trì và phát triển cộng đồng ngày thêm vững mạnh. Các gia đình quân đội VNCH, luôn luôn là xương sống của cộng đồng. Nhìn hình ảnh của các anh cựu quân nhân, hướng dẫn đồng hương từng chút một trên các chuyến xe về Canberra biểu tình, phân phát từng ổ bánh mì, chai nước uống với cả tấm lòng Dân-Quân, một cách vô vụ lợi, lễ phép và tận tình. Một tập thể người Việt tỵ nạn như vậy, chẳng lẽ chúng ta không có niềm tin sao?

Bù lại hằng ngày, trên các Youtube ghi hình ảnh công an CSVN cưỡng chế đồng bào, chiếm đất, cướp nhà, mua rẻ bán đắt, làm giàu trên xương máu người dân, thì chúng ta nghĩ sao về một chế độ như chế độ Cộng Sản VN? Cộng Sản đã từng lý luận: “*Nơi nào có áp bức, thì nơi đó có đấu tranh*” Vậy rồi sao? Cộng Sản VN đang đi ngược lại lời nói của họ. Họ đang áp bức đó, như vậy ngọn lửa đấu tranh chắc chắn sẽ bùng phát, không hôm nay thì ngày mai, không sớm thì chày sẽ đánh sụp chế độ này vào sọt rác của nhân loại. Tôi tin như thế!

Nhiều người bạn của tôi luôn bị quan về họa mất nước vào tay Tàu Cộng. Người trong nước họ hiểu rất rõ, nhưng vì bị khủng bố nên đành im hơi lặng tiếng. Điều này không có nghĩa là họ buông trôi, bạc nhược. Nên nhớ rằng sự đè nén càng nhiều, thì sức bật càng lớn. Trong hơn 1000 năm nô lệ giặc Tàu, dân tộc chúng ta không bị đàn áp sao? Cuối cùng, chúng ta cũng giải phóng được dân tộc vào thời nhà Ngô, Bà Trưng, Bà Triệu. Chưa kể, đó là thời phong kiến, không ai giúp mình. Bây giờ là thời kỳ nào rồi, Tàu Cộng có ngang nhiên kéo quân xâm chiếm VN được không? Do đó vấn đề còn lại của chính người Việt Nam là phải giải thể và cắt đứt con đường tiếp tay của đảng CSVN cho kẻ thù dân tộc.

Cabramatta: Vùng đất hứa!

Tản bộ dọc đường John, khu thương mại sầm uất

Cabramatta, không ai có thể ngờ rằng nơi đây, 30 năm trước là một khu phố nghèo nàn của Fairfield, nếu không muốn nói là thủ phủ của tội phạm và cần sa. Nhưng chỉ gần 20 năm sau, đoàn người tỵ nạn VN đã biến khu thương nghiệp này thành một địa điểm du lịch và ăn uống trù phú nhất của Sydney, đóng góp tài chánh đáng kể cho ngân sách Hội Đồng Thành Phố Fairfield nói riêng, và cho New South Wales nói chung. Đến Cabramatta, người VN có cảm tưởng nơi đây là đất nước của riêng mình, vì các bảng hiệu kinh doanh đều ghi bằng Việt ngữ. Nhịp sống người Việt tại Cabramatta như dòng nước lũ, đã cuốn trôi đi mọi trở ngại để duy trì niềm tin và ước mơ.



Một hiệu ăn của người Việt Nam tại Cabramatta, phía Tây Sydney, New South Wales, Úc Châu.

Người tỵ nạn VN đã chứng minh cho nước Úc sự thành đạt của họ trong các lãnh vực như giáo dục, chính trị, kinh doanh, nghệ thuật... bằng chính kết quả chứ không bằng xảo ngôn. Tại sao tôi lại gọi Cabramatta là vùng đất hứa? Cũng chỉ vì tôi vô cùng kinh ngạc trước sức sống mạnh mẽ của người Việt tại đây. Quý vị ở tuổi trung niên còn nhớ đến nguyên tác *Exodus* của Leon Uris, do nhà văn Thế Uyên chuyển ngữ thật tài tình, vượt quá giới hạn của ngôn ngữ để trở thành: “Về miền đất hứa”, đã một thời là sách gối đầu giường của giới đọc sách Miền Nam VN. Sách hay đến nỗi đã trở thành tấm gương cho

mọi dân tộc, cho mọi thế hệ, kể cả người VN với niềm tin sẽ có một ngày, họ trở về quê cũ để xây dựng lại đất nước khi không còn chủ nghĩa CS trên quê hương.

Đúng là như thế, tôi luôn có niềm tin vào dân tộc tôi, là sẽ xóa bỏ được chủ nghĩa CS trên quê hương VN, vượt khỏi ách kiểm kẹp của Trung Cộng, như tổ tiên chúng ta, cũng chỉ dựa vào niềm tin và quyết tâm mà đã giữ được nước, trước móng vuốt tham lam của người phương Bắc. Một dân tộc không có



*Lối vào Freedom Plaza
(Thương Xá Tự Do)*

niềm hy vọng và quyết tâm, thì dân tộc ấy sẽ trở thành nô lệ. Tôi tin như vậy, và tôi đã đến Cabramatta như đến vùng đất hứa, vì nơi đó có dân tộc VN tỵ nạn CS đang cố nuôi dưỡng niềm tin, truyền đạt ý chí cho thế hệ con cháu để có ngày khôi phục lại giống nòi Việt tộc.

Đến Cabramatta là đến thiên đường ăn uống. Cho dù Marickville, Bankstown, Canley Heights vẫn tràn ngập các món ăn mang hương vị quê nhà, nhưng phải khách quan mà nhìn nhận Cabramatta là hình ảnh tượng trưng cho những thành công của người Việt Nam, tỵ nạn tại Úc. Khu vực thương nghiệp được phân chia vuông vức, cô đọng để người đến đây có thể ăn, uống, mua sắm các mặt hàng thuần túy Việt mà không cần phải đi qua nhiều đoạn đường. Phở chuyên nghiệp hoặc phở xen lẫn các món ăn kiểu nhà hàng, hủ tiếu, mì bún.... mang nhiều nét đặc thù của từng tiệm ăn. Ăn uống xong thì đi chợ mua rau cải, thịt cá. Tha hồ lựa chọn, giá cả đã có sẵn không bị “hớ giá” như ở Việt Nam lúc này. Thực phẩm bảo đảm an toàn vệ sinh.

Nhớ lại thời kỳ 1979, 1980, khi còn sống trong các hostel (nhà trọ), tôi thèm phở vô cùng. Cứ tưởng từ đây sẽ không bao giờ được nếm lại hương vị quê hương. Không ngờ, chỉ vài năm sau, người tỵ nạn ngày càng đông, nên thương gia đã nhập đủ thứ hàng hóa, gia vị Á Châu. Nhà hàng, quán ăn mọc lên như nấm đã thỏa mãn nhu cầu cho người Việt nói riêng, hoặc người gốc Á nói chung.

Nhiều gia đình Việt Nam, làm ăn du tiên du bạc đã dọn đến ở những vùng giàu có, sang trọng, nhưng cuối tuần, họ vẫn trở về Cabramatta để ăn uống và chợ búa. Điều đáng chú ý là thế hệ con cháu sau này, dù sinh ra tại Úc, chúng nó vẫn mê thực phẩm Việt, nói tiếng Việt. Dân tộc nào còn giữ được ngôn ngữ và bản sắc của dân tộc mình, thì dân tộc ấy sẽ không bao giờ bị đồng hóa và mất gốc cho dù họ sống ở bất kỳ nơi đâu. Âm thực Việt Nam đang dần dần len lỏi vào các vùng xa xôi của Úc, như một hình thức đóng góp cho xứ sở này một lãnh vực ăn uống mà người bản xứ đã ngày càng thích thú và trân trọng.

Ước mơ!

Đời người ai cũng có ước mơ. Nhưng theo cảm nghĩ của riêng tôi thì ước mơ mang nhiều khắc khoải nhất là được trở về nơi “chôn nhau cắt rốn”. Dù có đi đâu, về đâu, thì sự trở về vẫn là loại ý thức nhân bản nhất của một con người.

Nhưng câu hỏi vẫn mang mang trong lòng người trở về. Người Việt Nam đã từng rời bỏ quê hương, thì mong ước trở về chốn cũ vẫn là điều tự nhiên. Nhưng về như thế nào? Điều kiện ra sao? Có đáng phải trở về không? Có gì tốt đẹp nơi ấy không? Đây vẫn luôn là những câu hỏi mà mỗi cá nhân sẽ giải thích một khác tùy thuộc vào quan điểm chính trị, trình độ nhận thức. Riêng tôi thì xin mượn lời Việt của Phạm Duy trong nhạc phẩm, “*Trở về mái nhà xưa (Come back to Sorrento): Ôi làng du quay về điều tàn,*” không ngoài nhận xét so sánh với toàn cảnh xã hội VN hiện tại. Ừ thì “điều tàn” đến đâu xót.

Nhiều người Việt hải ngoại có dịp trở về VN, ít người để

ý đến nỗi thống khổ của tầng lớp dân nghèo phải bưng trải kiếm miếng cơm manh áo, bị giới cầm quyền bóc lột. Do đó, việc giải thể chế độ cai trị độc đảng của CSVN là điều tất có và đủ để sự trở về của người hải ngoại lãng du mới thực sự xứng đáng và có ý nghĩa. Một thể chế độc đảng sẽ đưa đến độc tài, bè phái, quyền lợi nhóm. Từ đó, để bảo vệ quyền lợi, họ sẽ đàn áp người dân trong mọi lãnh vực. Để xác định giá trị cần thiết cho sự trở về chốn xưa, chính là một VN hoàn toàn được tôn trọng nhân phẩm, được tự do ngôn luận, một chính quyền theo thể chế dân chủ “*tam quyền phân lập*”.

Tôi sống khá lâu ở Úc, quan sát hệ thống chính trị, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, và sự tự do ngôn luận, tôi thực sự mơ ước dân tộc VN làm sao có thể đạt được mẫu mực của Úc. Đây mới chính là thiên đường, mà lý thuyết Cộng Sản không bao giờ thực hiện được.

Sống là phải có ước mơ và hoài bão, và đó cũng chính là kim chỉ nam cho mọi tranh đấu, không hôm nay thì ngày sau phải được. Tôi tin như vậy, tôi tin vào bản sắc kiên cường của nòi giống Việt. Tôi tin và mãi mãi tin như thế!

Australia 3/2019



NÉN HƯƠNG LÒNG

Nguyễn Diễm Nga, K17/2

*Lấy cây hương thật quý
Thắp lên thương tiếc chàng...*

Hai câu hát trong bài Hòn Vọng Phu của nhạc sĩ Lê Thương bỗng dung ngân lên trong tâm tư nhắc tôi nhớ về người cậu ruột - Trung Úy Phi Công Nguyễn Đình Hương.

Ngày hôm ấy, cậu tôi đã thực hiện chuyến bay định mệnh cuối cùng của cuộc đời trong nhiệm vụ phi công phụ cho đại úy phi công trưởng Phạm Văn Kiến lái chiếc phi cơ Chinook CH.47A chở đoàn người di tản từ Đà Nẵng vào Saigon. Vì thời tiết xấu và quá tải không thể bay cao nên phi cơ đã bị trúng đạn của Việt Cộng và lao nhanh xuống hướng biển. Lúc đó, tuy đã bị thương và máu loang ướt bộ đồ bay, nhưng cậu tôi đã cố gắng cùng với người phi công chính ghìim cần lái, chuyển được hướng bay vào đất liền và đáp khẩn cấp an toàn trên bãi biển.

Mặc dù vậy..., mặc dù có người yêu của cậu đi cùng trên chuyến bay, khí tiết của một người lính không muốn đầu hàng giặc Cộng đã khiến cậu tôi chọn làm một hạt cát kiêu hùng ngủ yên bên bờ biển Sa Huỳnh vào ngày 29 tháng 3 năm 1975. Hình ảnh người yêu của cậu thắp một cây hương lên nắm đất vui thay người trai tuổi tiết luôn làm cho mắt tôi cay mỗi khi nghe hai câu hát trên.

Tuy nhiên, không phải vì cậu tên Hương nên tôi muốn viết về những nén “hương”. Bởi vì tôi biết cậu chỉ là một trong biết bao nhiêu người anh hùng đã bỏ mình nằm xuống trong cuộc chiến nhưc nhói đầy đau thương của dân tộc. Thật lòng, tôi muốn được tìm hiểu về một thứ ngôn ngữ đậm nét văn hoá có khả năng kết nối giữa hai thế giới hữu hình và vô hình. Đó là tâm linh người Việt trong khói hương.

Dựa theo lịch sử thì việc thắp hương vốn bắt nguồn từ khoảng năm 3700 trước Công Nguyên (cách đây khoảng 5700 năm), từ nước Ấn Độ. Trong các đền thờ của vua chúa Ai Cập (Ancient Egypt) có rất nhiều những hình vẽ hoặc chạm trổ trên tường mô tả nghi thức này. Cho đến năm 618 trước Sau Công Nguyên (AD) vào đời nhà Tần mới có một vị cao tăng đem hương trầm qua Trung Quốc, từ đó hình thức đốt nhang được phát triển mạnh mẽ và hưng thịnh nhất vào đời nhà Minh, sau đó được phổ biến đến khắp các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam.

Cũng xin nói thêm rằng, trước đây tôi vẫn tưởng rằng chỉ có Phật Giáo mới hay dùng hương nhang trong các nghi thức cúng tế tổ tiên và trời đất. Còn theo văn hoá Âu Châu thì người ta thường thắp nến trong các nhà thờ, đền thờ. Tuy nhiên, dựa theo Kinh Thánh, khi Chúa Giêsu mới sinh ra đời, có ba vị vua đem ba thứ châu báu quý nhất trong nước thời đó để dâng lên cho ngài, đó là: vàng, trầm hương, và mộc dược. Điều này chứng tỏ trầm hương vốn đã có từ xa xưa đã được xem như một sản vật quý giá, thiêng liêng. Vì thế, cho đến hôm nay thì hương nhang đã được hầu hết tôn giáo sử dụng nhất là người Việt Nam.

Tôi rất tâm đắc với một đoạn viết trong bài “Văn Hóa Hương Nhang” (1) được tìm thấy trên internet như sau:

Chẳng biết từ bao giờ, người dân Việt Nam chúng ta xem chuyện thắp hương trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết.

Nén hương như một chiếc cầu nối thiêng liêng giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi tâm linh của trời đất. Có thể nói, hương đã len lỏi vào tận cùng góc ngách của đời sống và có một vị trí quan trọng trong cuộc sống của người Việt Nam nói riêng và của người châu Á nói chung. Ngày cuối năm đi mua sắm các thứ chuẩn bị cho Tết, không ai không mua vài nén hương về thắp cho ông bà, tổ tiên mình.

Điều này nhắc tôi nhớ về một kỷ niệm vui vui trong gia đình. Số là hồi còn nhỏ chúng tôi thường nghe nói rằng nếu sau khi thắp một nén hương cho người đã khuất mà sau khi cây hương cháy hết, tro hương vẫn còn nguyên vẹn và giữ được hình dáng cong cong, quăn vòng rất đẹp có nghĩa là người quá vãng đã chứng giám cho tâm thành của người dâng hương. Lúc ấy, ông ngoại tôi vừa mất. Thế là trong một lần thắp hương cho ông, rõ ràng tôi đã nghe cậu em họ tên Đăng lẩm bẩm khấn vái: “Ông ơi, xin ông cho con...quăn”.

Chị em chúng tôi ngày ấy “trẻ người non dạ” đâu biết rằng, những cái “vòng quăn” đó cũng có ý nghĩa rất đặc biệt:

Nén hương vòng cháy theo chiều kim đồng hồ như chính vòng xoáy nhân sinh của cuộc đời, đó là vòng đời của mỗi con người nơi trần thế. Và tất cả chúng ta, cuối cùng cũng đi đến một mục đích, vươn tới giá trị đích thực của cõi tâm linh, vươn tới những điều: Chân – Thiện – Mỹ của cuộc đời. (Trích “Văn Hóa Hương Nhang”)

Càng đặc biệt hơn nữa nếu như ta tìm hiểu về hương nhang trong phạm trù “chữ nghĩa”.

Theo bài viết online “Lắt Léo Chữ Nghĩa” (2), trong Từ Điển Tiếng Việt của Trung Tâm Từ Điển Học do Giáo Sư Hoàng Phê chủ biên thì “Hương” và “Nhang” là hai từ cùng gốc mà chữ Hán là “[香] âm Hán-Việt hiện hành là hương.

Về phần nguyên âm phía sau “ương” hoặc “ang” thì chúng ta thấy có nhiều chữ trong tiếng Việt tuy viết khác phần nguyên âm nhưng lại cùng một nghĩa như: lượng và lạng (đơn vị đo

lượng: lượng vàng/ lạng vàng), đường và đàng (thiên đường/ thiên đàng). Tuy nhiên về phân phụ âm đầu phía trước thì lý luận về sự biến đổi thanh âm giữa “H” và “Nh” quả là không dễ gì thuyết phục. Phải chăng “lắt léo” là ở điểm này?

Đối với những người thích chơi đùa với chữ nghĩa thì lại còn có một điểm thú vị khác:

“Hương” là chữ của người miền Bắc và “Nhang” là chữ của người miền Nam cùng để gọi chung “vật phẩm làm bằng nguyên liệu có tinh dầu, khi đốt tỏa khói thơm, thường dùng trong việc cúng lễ”. Vì vậy “Thắp HƯƠNG” hay “đốt NHANG” cũng như nhau.

Tuy nhiên không phải lúc nào hai chữ này cũng có thể hoàn toàn thay thế chỗ cho nhau. Ví dụ như người ta hay nói “HƯƠNG hoa đất nước” nhưng không thể nói “NHANG hoa đất nước”, hoặc như hay nói “Sắc nước HƯƠNG trời” mà không thể nói “Sắc nước NHANG trời” chẳng hạn.



*Tượng Đức Trần Hưng Đạo
tại bến Bạch Đằng, Saigon*

Dù thế nào đi nữa thì chuyện “thắp hương” hay “đốt nhang” trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết của người Việt ở khắp mọi miền trong và ngoài nước. Nén hương thắp lên như tiếng nói được cất lên để gửi gắm tình cảm thương nhớ, kính trọng đối với người đã khuất, với tổ tiên, với trời đất trong thế giới tâm linh thiêng liêng màu nhiệm.

Ấy vậy mà gần đây, vừa mới có thêm một trong “những điều trông thấy mà đau đớn lòng” xảy ra trong nước. Đó là

chuyện chiếc lư hương được an vị lâu đời để thờ phượng ngay dưới chân tượng Đức Thánh Trần tại Bến Bạch Đằng bên bờ sông Saigon vừa được giới chức có thẩm quyền ra lệnh dời về Đền Thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo tại phường Tân Định, quận 1 đúng vào ngày tưởng niệm 40 năm quân Trung Cộng tấn công Việt Nam (1979-2019).

Điều này đã làm đau lòng biết bao người dân Saigon, trong đó có tôi, mỗi khi nhớ về quãng thời gian còn ở trong nước được chiêm ngắm bức tượng đồng của vị anh hùng đã được phong thánh trong lòng cả dân tộc: ĐỨC THÁNH TRẦN.

Theo báo chí trong nước đăng tải, một viên chức Cộng Sản cho biết, *“Việc dời lư hương là bình thường, đưa việc thờ phụng về đúng vị trí.”* Theo bà, *“việc thờ phụng ở đình chùa, đền sẽ phù hợp hơn là diễn ra ở công viên.”* (Trích “Người Ký Văn Bản ‘Tu Sửa, Tôn Tạo Tượng Đài Trần Hưng Đạo’ Qua Đời”)

“Đúng vị trí?”

Có lẽ bà Yến dốt môn lịch sử nên không biết Ngài là ai?

Có lẽ bà Yến chưa bao giờ học qua bài Hịch Tướng Sĩ của Ngài mà tôi vẫn nhớ nằm lòng sau bao nhiêu năm xa quê hương: *“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...”* khi kêu gọi toàn dân chống giặc Tàu xâm lăng bờ cõi.

Có lẽ bà Yến không biết rằng Đức Hưng Đạo Đại Vương được coi là Thánh Tổ của Hải Quân Việt Nam. Chính vì vậy mà chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cho phép xây dựng tượng đài của Ngài hùng vĩ, uy nghiêm ngay tại công viên bên bờ sông Saigon, nơi trang trọng đẹp nhất giữa lòng thủ đô Saigon, giữa trái tim của họ để kính nhớ, thờ lạy một bậc Thánh trong lịch sử Việt Nam. Chiếc lư hương được đặt dưới chân Ngài là để họ thấp hương tưởng nhớ đến một vị anh hùng dân tộc của bất cứ người nào còn nhận mình là con dân Việt.

Còn chúng tôi, những người con phải rời bỏ quê hương xứ

sở để mưu cầu tiếng nói Tự Do và Dân Chủ thì dù đã “trải qua một cuộc bể dâu” đã 44 năm, vẫn còn rất “đau đớn lòng”, vẫn còn “ruột đau như cắt” khi phải chứng kiến những điều xảy ra như vậy.

Hôm nay, ở thời khắc tưởng niệm khó quên trong lịch sử, nhớ đến cậu tôi, nhớ đến những vị anh hùng liệt nữ đã bỏ mình nằm xuống để đấu tranh cho Lý Tưởng Tự Do Dân Tộc vào mùa xuân năm ấy, và kính nhớ Đức Thánh Trần một vị anh hùng bất tử trong lòng người dân Việt, tôi xin trân trọng thắp một nén hương thành kính dâng lên chư vị.

Một chiếc lư hương bị di dời nhưng trong tâm linh của dân tộc Việt khói hương dâng Ngài vẫn mãi mãi nghi ngút từ muôn muôn vạn vạn những nén hương lòng.

Chú Thích:

1. “Văn Hoá Hương Nhang”: <https://tinhte.vn/threads/van-hoa-huong-nhang.349909/>

2. “Lắt Léo Chữ Nghĩa”: <https://thanhvien.vn/van-hoa/lat-leo-chu-nghia-huong-va-nhang-959724.html>

